

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU – TỈNH TÂY NINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Tự;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân
Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.*

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây
Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú – Kiểm sát Viên.*

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: 809, ấp L, xã L, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ông Trần Văn T của Văn phòng luật sư Lê Xuân B thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Quế M, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 1231 A, tổ 4, ấp N, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Đức L, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số nhà 1231 A, tổ 4, ấp N, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt, riêng anh L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2020, bản tự khai và các biên bản làm việc của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị H và chị M, anh L không bà con chỉ quen biết. Từ ngày 01-10-2019 đến ngày 17-01-2020 chị M,

anh L có đến cửa hàng thức ăn gia súc của chị H mua bắp về bán lại cho người khác, hình thức mua bắp rồi trả tiền, trả tiền rồi lại tiếp tục mua, mỗi lần mua bắp chị M có ký sổ nợ với chị H cụ thể:

- + Ngày 10-10-2019, chị M còn nợ 171.117.000 đồng.
- + Ngày 11-10-2019, chị M trả 120.000.000 đồng, còn nợ 51.117.000 đồng.
- + Ngày 12-10-2019, chị M trả 20.000.000 đồng còn nợ 31.117.000 đồng.
- + Ngày 12-10-2019 chị M mua bắp thêm 133.200.000 đồng + số nợ cũ 31.117.000 đồng, tổng cộng 164.317.000 đồng – 13.600.000 đồng (là tiền chị H thuê xe tải của chị M chở hàng) = 150.717.000 đồng.

- + Ngày 20-11-2019, chị M trả 30.000.000 đồng, còn nợ 120.717.000 đồng.

Ngày 17-01-2020 hai bên cộng sổ, chị Minh còn nợ 120.717.000 đồng, chị H bớt 717.000 đồng, còn nợ 120.000.000 đồng. Chị M có ký tên vào sổ chị H giữ. Chị H có đến nhà chị M đòi nợ nhiều lần nhưng chị M cứ hẹn nợ và nói khi nào chị M vay nợ Ngân hàng sẽ trả hết số tiền cho chị H nhưng không thực hiện. Ngày tháng không nhớ năm 2020, chị M trả cho chị 10.000.000 đồng, hiện còn nợ 110.000.000 đồng.

Ngày 13-7-2020, Tòa án tiến hành hòa giải hai bên thống nhất chị Minh có trách nhiệm trả số tiền 110.000.000 đồng cho chị H. Chị H không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh L chồng chị M trả nợ cho chị.

Ngày 20-7-2020, chị H có nộp đơn đến Tòa án xin thay đổi ý kiến. Chị H xác định quá trình bán bắp cho chị M, anh L có cùng chị M đến cửa hàng của chị H mua bắp, nhận chở bắp về cho chị M. Sau đó, anh L chị M cùng chở bắp đi tỉnh Đắk Lắk bán bắp lại cho người khác. Do đó, chị H yêu cầu cả hai vợ chồng chị M anh L cùng có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 110.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra chị M, anh L không còn nợ chị H khoản tiền nào khác.
Chị H không trình bày và cũng không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc bị đơn chị Huỳnh Thị Quế M trình bày:
Chị M là vợ anh L, chị H không bà con chỉ quen biết. Chị M xác định toàn bộ lời trình bày của chị H về thời gian, về số tiền mua bắp còn nợ là đúng. Trong năm 2019, chị và anh L có đến cửa hàng bán thức ăn gia súc của chị H mua bắp. Sau đó, chị và anh L cùng chở bắp đến tỉnh Đắk Lắk bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời. Hình thức chị M mua bắp rồi trả tiền, trả tiền rồi tiếp tục mua bắp. Ngày 17-01-2020, hai bên cộng sổ nợ chị còn nợ chị H 120.717.000 đồng, chị H bớt 717.000 đồng, còn nợ 120.000.000 đồng và chị có ký tên vào sổ nợ chị H giữ.

Ngày tháng không nhớ năm 2020, chị trả cho chị H 10.000.000 đồng, hiện còn nợ 110.000.000 đồng. Anh L có biết việc chị Minh mua bắp của chị H vì anh L cùng chị M đi mua bắp ở cửa hàng của chị Hạnh. Sau đó, anh Lợi cùng chị M chở bắp đi tỉnh Đắk Lắk bán cho người khác nhưng việc tính toán cộng sổ nợ chỉ có chị và chị H biết, anh L không biết.

Do đó, chị M xác định hiện nay còn nợ chị H số tiền mua bắp còn nợ là 110.000.000 đồng. Chị M đồng ý trả cho chị H số tiền 110.000.000 đồng, chị M không yêu cầu anh L phụ chị M trả nợ cho chị H.

Ngoài ra chị M không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Đức L trình bày: Anh là chồng chị M, chị H không bà con chỉ quen biết. Anh L biết chị M bắt đầu mua bắp của chị H từ năm 2018 đến đầu năm 2020 thì ngưng. Quá trình mua bắp, anh L có cùng chị M đến cửa hàng chị H chở bắp, nhận hàng về. Sau đó, anh L cùng chị M chở bắp đến tỉnh Đắk Lắk bán lại cho người khác mục đích kiếm tiền lời. Việc mua bán bắp giữa chị H với chị M thanh toán tiền nợ như thế nào anh L không biết.

Nay chị H yêu cầu anh L và chị M trả số tiền mua bắp còn nợ là 110.000.000 đồng, anh L không đồng ý theo yêu cầu của chị H. Vì việc tính toán cộng sổ nợ chỉ có chị M và chị H biết, anh không biết. Do đó anh yêu cầu Tòa án xem xét xử theo luật.

Anh Lợi và chị M có 02 người con tên Phan Minh T, sinh năm: 1996 và con tên Phan Minh T, sinh năm: 2004 đang sống chung với anh L chị M. Hiện nay, anh L làm nghề tài xế, chị M bán quán ăn tại nhà. Tất cả chi tiêu trong gia đình vợ chồng anh Lợi chị M cùng lo liệu.

Ngoài ra, anh L không trình bày gì thêm.

Tại Tòa, chị H xác định theo đơn khởi kiện chị yêu cầu chị M trả số tiền mua bắp còn nợ 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Quá trình giải quyết, chị M trả cho chị 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Do đó, chị có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Tại Tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H – Luật sư Trần Văn T trình bày luận cứ bảo vệ:

Chị H và vợ chồng chị M và anh L không bà con chỉ quen biết. Từ tháng 10-2019, chị M và anh L đến cửa hàng đại lý thức ăn gia súc của chị H mua bắp về bán lại cho người khác. Hai bên giao dịch không có ký hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận miệng. Hai bên thống nhất, hình thức mua bán bắp là giao nhận bắp, thanh toán nợ từng chuyến, mỗi chuyến giao bắp cách khoảng 03 đến 04 ngày cụ thể: Chị M nhận bắp chuyến này thì phải ký nhận nợ với chị H. Sau đó, chị M phải trả số tiền nợ chuyến trước rồi mới được nhận bắp và ký sổ nợ với chị H tiếp theo. Ngày 17-01-2020, hai bên cộng sổ chị M còn nợ 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, chị Minh có ký tên nhận nợ với chị H và hẹn vài ngày trả tiền cho chị H nhưng không thực hiện. Ngày 25-5-2020, chị H khởi kiện và yêu cầu chị M trả số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Ngày 13-7-2020 Tòa án tiến hành hòa giải, hai bên thống nhất: Chị M có trách nhiệm trả cho chị H số tiền mua bắp còn nợ là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh L chồng chị M liên đới trả nợ cho chị H. Ngày 20-7-2020, chị H có nộp đơn đến Tòa án xin thay đổi yêu cầu. Chị H yêu cầu chị M và anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Lý do chị H thay đổi ý kiến hòa giải ngày 13-7-2020, yêu cầu cả hai vợ chồng chị M và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng cho chị H là vì chị H xác định khi giao bắp cho chị M thì anh L cùng chị M đến cửa hàng của chị H nhận bắp và chở bắp đi tỉnh Đắk Lắk bán. Mặc khác trong thời gian chị M mua bắp của chị H, anh L và chị M là vợ chồng,

đến nay vẫn còn quan hệ vợ chồng, vẫn sống chung nhà, số tiền thu lợi từ việc mua bán bắp của chị M sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, chị Hạnh yêu cầu chị M và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ cho chị H là phù hợp.

Quá trình giải quyết, ngày 03-6-2020 chị M trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ngày 08-8-2020 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, tổng cộng chị M trả cho chị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tại Tòa, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 29, khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán bắp”.

Buộc chị M và anh L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hạnh số tiền mua bắp còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận: Chị H không yêu cầu tính lãi suất.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán bắp”.

Chị M và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền mua bắp còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận : Chị H không yêu cầu tính lãi suất.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị M và anh L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn

điện, khách quan yêu cầu, đề nghị của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định pháp luật nhưng họ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Chị H có đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị Hạnh yêu cầu chị M và anh L trả số tiền mua bắp còn nợ 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 của Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 17-01-2020 hai bên cộng sổ nợ, chị M hẹn trả nợ nhưng không thực hiện. Ngày 25-5-2020, chị H có đơn khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền mua bắp còn nợ nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội dung vụ án*: Từ ngày 01-10-2019 đến ngày 17-01-2020 chị M và anh L có đến cửa hàng thức ăn gia súc của chị H mua bắp về bán lại cho người khác. Ngày 17-01-2020, hai bên tính toán cộng sổ chị M còn nợ chị Hạnh số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, chị M có ký tên nhận nợ vào sổ của chị H. Sau đó, chị M trả cho chị H 10.000.000 (mười triệu) đồng, còn nợ 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, chị H yêu cầu chị M trả số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Ngày 13-7-2020 Tòa án tiến hành hòa giải, hai bên thống nhất: Chị M có trách nhiệm trả cho chị H số tiền mua bắp còn nợ là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh L chồng chị M liên đới trả nợ cho chị H. Ngày 20-7-2020, chị H có nộp đơn đến Tòa án xin thay đổi yêu cầu. Chị Hạnh yêu cầu chị M và anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Tòa, chị H xác định ngày 03-6-2020 chị M trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ngày 08-8-2020 chị M trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, tổng cộng chị M trả cho chị H 20.000.000 đồng còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Xét việc thay đổi yêu cầu của chị H, yêu cầu anh L có nghĩa vụ liên đới với chị M trả nợ cho chị H là không vượt quá yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu trong phạm vi cho phép nên cần chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của chị H là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị M và anh L trả số tiền mua bắp còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết chị H cung cấp chứng cứ cho Tòa án là giấy tính toán tiền nợ ngày 17-01-2020 xác nhận chị M còn nợ 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và chị M có ký tên xác nhận nợ. Chị M trả cho chị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng,

còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tại Tòa hôm nay chị M thừa nhận có mua bắp của chị H còn nợ 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Sau khi cộng số, chị trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, còn nợ chị H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đến nay chưa trả là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp pháp luật.

Đối với việc chị M và anh L cho rằng, việc tính toán tiền bạc mua bắp giữa chị H với chị M thì chỉ có chị H và chị M biết, anh L không biết nên anh L không đồng ý liên đới cùng chị Minh trả nợ cho chị H.

Xét việc khai nại của chị M và anh L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết chị M và anh L đều thừa nhận anh L có cùng chị M đi đến cửa hàng chị H mua bắp, chở bắp về và thừa nhận anh chị cùng chở bắp đến tỉnh Đắk Lắk bán bắp cho người khác. Mục đích chị M mua bán bắp kiếm thêm lợi nhuận nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Anh L và chị M đều thừa nhận tất cả mọi sinh hoạt chi tiêu trong gia đình anh chị cùng lo liệu. Số tiền mua bắp chị M còn nợ chị H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, hiện tại anh chị vẫn đang sống chung nhà và chưa có Tòa án nào xét xử cho anh L và chị M ly hôn. Do đó, anh chị vẫn còn quan hệ hôn nhân, vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Mặc khác, tại Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...”; tại khoản 1 Điều 30 quy định “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết yếu của gia đình” và tại khoản 2 Điều 37 quy định “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Do đó, không chấp nhận việc khai nại của chị M và anh L, cần buộc chị M và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là phù hợp pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay chị H không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[4] Tại Tòa, chị H xác định chị M đã trả cho chị 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị M về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị H về tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M và anh L phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán bắp”.

Buộc chị Huỳnh Thị Quế M và anh Phan Đức L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị H số tiền mua bắp còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận: Chị Hạnh không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Huỳnh Thị Quế M, anh Phan Đức L không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị M, anh L còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Hạnh về số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Quế M và anh Phan Đức L phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Hạnh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả chị Trần Thị H số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng là tiền tạm ứng án phí **chị H** đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004617 ngày 02-6-2020.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Đào Thị Hiền

